

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019*

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN  
QUỐC DÂN**



## MỤC LỤC

---oOo---

---

	Trang
1- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
2- BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
3- BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	6 - 9
4- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 13
6- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 49

---

10/10/2023

10/10/2023

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 06 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 06 năm 2019.

**1. Thông tin chung về Ngân hàng**

**Thành lập:**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân được đổi tên từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt vào ngày 06 tháng 05 năm 2014. Trước đây Ngân hàng có tên gọi là Ngân hàng TMCPNT Sông Kiên, là Ngân hàng Cổ phần được thành lập theo giấy phép số 00057/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và giấy phép thành lập số 1217/GP-UB ngày 17 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp. Ngân hàng hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700169765 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (đăng ký lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 050046 ngày 02 tháng 11 năm 1995 của Ủy ban kế hoạch tỉnh Kiên Giang), giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 10 tháng 11 năm 2017.

Ngân hàng nắm quyền kiểm soát toàn bộ Công ty con là Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quốc Dân, được thành lập theo Quyết định số 2406/QĐ-NHNN ngày 19/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304767745 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 30/05/2018) với mức vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng, hoạt động chủ yếu là tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng của ngân hàng TMCP Quốc Dân và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất.

Thời gian hoạt động của ngân hàng là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tiên.

Tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, vốn điều lệ của Ngân hàng theo giấy đăng ký kinh doanh là: 3.010.215.triệu đồng. Vốn thực góp là: 4.101.555 triệu đồng.

**Hoạt động chính của Ngân Hàng bao gồm:**

- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn;
- Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức tín dụng trong nước;
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn;
- Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;
- Góp vốn liên doanh và mua cổ phần theo pháp luật hiện hành;
- Cung cấp dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;
- Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà Nước cho phép;

**Mã chứng khoán niêm yết: NVB**

**Trụ sở chính của Ngân hàng:** số 28C-D, Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội.

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Ngân hàng có 1 Hội sở chính, 24 chi nhánh, 66 phòng giao dịch. Các chi nhánh được mở trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Ngân hàng có 1 Công ty con.

4489  
NG T  
KHỆM  
M T U  
VIỆT  
TP. H C

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 06 năm 2019

**2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Ngân hàng được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

**3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng quản trị		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông NGUYỄN TIẾN DŨNG	Chủ tịch	10/11/2018	
Ông VŨ HỒNG NAM	Phó chủ tịch	15/11/2018	26/04/2019
Ông VŨ MẠNH TIẾN	Phó chủ tịch	15/11/2018	
Ông LÊ HỒNG PHƯƠNG	Thành viên thường trực	26/04/2018	26/04/2019
Bà NGUYỄN THỊ MAI	Thành viên thường trực	24/04/2015	26/04/2019
Ông PHẠM THÊ HIỆP	Thành viên	26/04/2019	
Bà TRẦN HẢI ANH	Thành viên	10/11/2017	
Ông TRẦN KIM CHUNG	Thành viên	09/11/2017	
Ông LÊ XUÂN NGHĨA	Thành viên độc lập	24/04/2015	
<b>Ban kiểm soát</b>			
Bà TRẦN THỊ HÀ GIANG	Trưởng ban	26/04/2018	
Bà VŨ KIM PHƯƠNG	Thành viên	24/04/2015	
Ông LÊ TRỌNG HIẾU	Thành viên	24/04/2015	
<b>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>			
Ông PHẠM THÊ HIỆP	Tổng Giám đốc	19/07/2019	
Ông LÊ HỒNG PHƯƠNG	Tổng Giám đốc	18/10/2018	06/05/2019
Bà DƯƠNG THỊ LỆ HÀ	Phó Tổng giám đốc thường trực	26/04/2018	
Ông VŨ MẠNH TIẾN	Phó Tổng giám đốc	11/11/2013	26/01/2019
Bà NGUYỄN THỊ MAI	Phó Tổng giám đốc	06/02/2013	26/01/2019
Ông NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	Phó Tổng giám đốc	26/01/2019	
Ông HOÀNG TUẤN TÚ	Phó Tổng giám đốc	13/11/2017	
Ông NGUYỄN HỒNG LONG	Phó Tổng giám đốc	21/08/2017	
Bà ĐỖ THỊ THANH HƯỜNG	Kế toán trưởng	01/08/2016	

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng là ông Nguyễn Tiến Dũng - Chủ tịch HĐQT.

Theo giấy ủy quyền số 58/2019/UQ-CTHĐQT ngày 19 tháng 07 năm 2019, ông Nguyễn Tiến Dũng đã ủy quyền cho ông Phạm Thế Hiệp - Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 06 năm 2019

### 4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên cho cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 06 năm 2019.

### 5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

TP. Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019



Phạm Thế Hiệp



Số: 182/2019/BCSX-HCM.01065

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân ("Ngân hàng"), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2019, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh mục IV.6 về việc ghi nhận các khoản chênh lệch giữa giá bán nợ với giá gốc, thoái lãi dự thu của các khoản nợ đã bán cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") sẽ được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo Nghị Quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 08 năm 2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Các chính sách kế toán mà Ngân hàng đang áp dụng được trình bày tại Thuyết minh mục IV.6 đối với cho vay khách hàng, hoạt động mua bán nợ; mục IV.7.2 về chính sách kế toán dự phòng khoản bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC"), chính sách kế toán về khoản bán nợ cho công ty mua bán nợ và các tổ chức khác; mục IV.8.3 về dự phòng các khoản đầu tư dài hạn; mục V.17 về vốn chủ sở hữu - khoản lợi nhuận chưa phân phối của bản thuyết minh báo cáo tài chính. Theo đó, việc phân loại nợ vay; trích lập dự phòng cụ thể, dự phòng đầu tư của các khách hàng cũ; và các khoản khác trước giai đoạn tái cấu trúc sẽ được xử lý dần theo năng lực tài chính của Ngân hàng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các chính sách này trong đề án tái cấu trúc Ngân hàng đã được trình các cơ quan có thẩm quyền và đang chờ phê duyệt bằng văn bản. Ngoài ra, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh mục V.17 về khoản vốn điều lệ của tổ chức tín dụng thể hiện trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là: 4.101.555 triệu đồng, vốn điều lệ theo giấy đăng ký kinh doanh của Ngân hàng là: 3.010.215 triệu đồng, chênh lệch là khoản vốn tăng trong kỳ giá trị: 1.091.339 triệu đồng. Ngân hàng đang thực hiện thủ tục với các cơ quan chức năng để thay đổi giấy đăng ký kinh doanh về việc tăng vốn này.



**NGUYỄN THỊ THANH MINH**

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0068 -2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN</b>			
<b>I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	<b>V.01</b>	<b>342.895</b>	<b>291.598</b>
<b>II. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước</b>	<b>V.02</b>	<b>510.593</b>	<b>1.587.706</b>
<b>III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác</b>	<b>V.03</b>	<b>6.930.110</b>	<b>6.683.832</b>
1. Tiền gửi tại các TCTD khác		6.900.110	6.651.832
2. Cho vay các TCTD khác		30.000	32.000
3. Dự phòng rủi ro		-	-
<b>IV. Chứng khoán kinh doanh</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
<b>V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>		<b>50.724</b>	<b>53.079</b>
<b>VI. Cho vay khách hàng</b>		<b>35.845.505</b>	<b>35.281.529</b>
1. Cho vay khách hàng	<b>V.04</b>	36.261.205	35.674.111
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	<b>V.05</b>	(415.700)	(392.582)
<b>VII. Hoạt động mua nợ</b>	<b>V.06</b>	<b>3.308</b>	<b>9.947</b>
1. Mua nợ		3.358	10.022
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(50)	(75)
		-	-
<b>VIII. Chứng khoán đầu tư</b>	<b>V.07</b>	<b>13.917.855</b>	<b>16.132.945</b>
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		7.186.188	8.864.536
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		6.817.041	7.353.896
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(85.374)	(85.487)
<b>IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>V.08</b>	<b>739.647</b>	<b>756.682</b>
1. Đầu tư vào công ty con		50.000	50.000
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		719.600	719.600
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(29.953)	(12.918)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
<b>X. Tài sản cố định</b>		<b>599.200</b>	<b>614.238</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	V.09	155.329	163.207
a. Nguyên giá tài sản cố định		294.205	294.853
b. Hao mòn tài sản cố định		(138.876)	(131.646)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a. Nguyên giá tài sản cố định		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.10	443.871	451.031
a. Nguyên giá tài sản cố định		493.624	493.579
b. Hao mòn tài sản cố định		(49.753)	(42.548)
<b>XI. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
<b>XII. Tài sản có khác</b>	V.11	<b>11.731.248</b>	<b>11.068.751</b>
1. Các khoản phải thu		4.954.723	4.468.991
2. Các khoản lãi, phí phải thu		2.902.331	2.663.644
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4. Tài sản Có khác		3.923.053	3.971.975
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(48.859)	(35.859)
<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>		<b>70.671.085</b>	<b>72.480.307</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
<b>B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>I. Các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước</b>			
		-	1.244.200
<b>II. Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>			
V.12		5.964.444	9.757.537
1. Tiền gửi của các TCTD khác		5.964.444	8.456.393
2. Vay các TCTD khác		-	1.301.144
<b>III. Tiền gửi của khách hàng</b>			
V.13		53.945.359	47.216.617
<b>IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>			
		-	-
<b>V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>			
V.14		141.040	170.063
<b>VI. Phát hành giấy tờ có giá</b>			
V.15		3.954.500	9.184.275
<b>VII. Các khoản nợ khác</b>			
V.16		2.388.623	1.677.538
1. Các khoản lãi, phí phải trả		1.472.732	1.348.100
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác		915.891	329.438
4. Dự phòng rủi ro khác (DP cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		-	-
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>66.393.966</b>	<b>69.250.230</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
<b>VIII. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>V.17</b>	<b>4.277.119</b>	<b>3.230.077</b>
1. Vốn của TCTD		4.071.911	2.980.572
a. Vốn điều lệ		4.101.555	3.010.216
b. Vốn đầu tư XDCB		-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
d. Cổ phiếu quỹ		(29.644)	(29.644)
2. Quỹ của TCTD		157.516	157.516
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế		47.692	91.989
Lợi nhuận / (lỗ) năm nay		16.277	35.892
Lợi nhuận / (lỗ) năm trước		31.415	56.097
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>70.671.085</b>	<b>72.480.307</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
1. Bảo lãnh vay vốn	VIII.29	-	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái	VIII.29	7.010.901	13.122.710
2.1 Cam kết mua ngoại tệ		11.983	-
2.2 Cam kết bán ngoại tệ		244.818	-
2.3 Cam kết giao dịch hoán đổi		6.754.100	13.122.710
2.4 Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang	VIII.29	-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.29	78.890	124.445
5. Bảo lãnh khác	VIII.29	2.314.140	2.644.624
6. Các cam kết khác	VIII.29	179.000	185.000

TP Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Người lập bảng



Hà Thị Hiếu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc




Phạm Thế Hiệp

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

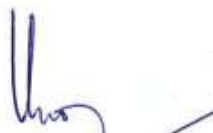
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.18	2.404.905	2.291.788
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.19	1.942.937	1.804.990
<b>I. Thu nhập lãi thuần</b>		<b>461.968</b>	<b>486.798</b>
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		35.664	32.345
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		25.378	18.469
<b>II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>VI.20</b>	<b>10.286</b>	<b>13.876</b>
<b>III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>VI.21</b>	<b>(5.317)</b>	<b>(1.728)</b>
<b>IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>VI.22</b>	<b>9.720</b>	<b>6.441</b>
5. Thu nhập từ hoạt động khác		24.939	340.383
6. Chi phí hoạt động khác		2.963	240.047
<b>VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác</b>	<b>VI.23</b>	<b>21.976</b>	<b>100.336</b>
<b>VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>		<b>2.688</b>	<b>-</b>
<b>VIII. Chi phí hoạt động</b>	<b>VI.24</b>	<b>428.618</b>	<b>499.298</b>
<b>IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>72.703</b>	<b>106.425</b>
X.1 Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		23.029	39.646
X.2 Các khoản xử lý theo đề án tái cấu trúc NH		30.000	51.263
<b>XI. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>19.674</b>	<b>15.516</b>
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		3.397	3.103
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
<b>XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>VI.25</b>	<b>3.397</b>	<b>3.103</b>
<b>XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>16.277</b>	<b>12.413</b>

TP Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Trưởng Giám đốc



Hà Thị Hiếu

Đỗ Thị Thanh Hương

Phạm Thế Hiệp

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		2.166.219	2.179.515
02. Chi phí lãi và các khoản thu nhập tương tự đã trả		(1.818.305)	(1.747.791)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		10.286	13.876
04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		4.403	4.713
05. Thu nhập khác		19.858	(2.020)
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý hoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		1.657	2.018
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(409.091)	(479.463)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</i>		<b>(24.973)</b>	<b>(29.152)</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền và cho vay các TCTD khác		2.000	431.250
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		2.215.203	(822.723)
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		2.355	(29.157)
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(580.430)	(3.216.869)
13. (Tăng)/Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(49)	(86)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(500.782)	(121.927)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		(1.244.200)	-
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD		(3.793.093)	(3.047.156)
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		6.728.742	(794.524)
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		(5.229.775)	5.724.163
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(29.023)	(19.919)
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	(38.895)
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		586.453	(198.218)
22. Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		-	-
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.867.572)</b>	<b>(2.163.213)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01. Mua sắm TSCĐ		(4.454)	(5.870)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		461	337.374
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		2.688	-
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.305)</b>	<b>331.504</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho thời kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		1.091.339	-
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.091.339</b>	<b>-</b>
<b>IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(777.538)</b>	<b>(1.831.709)</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>8.531.136</b>	<b>11.344.120</b>
<b>VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>VII.26</b>	<b>7.753.598</b>	<b>9.512.411</b>

TP Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019

Người lập bảng



Hà Thị Hiếu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc




Phạm Thế Hiệp